

Việt Trì, ngày 19 tháng 4 năm 2019

Số: **08/2019/QĐST-DS**

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 12 tháng 4 năm 2019 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 39/2019/TLST-DS ngày 14 tháng 3 năm 2019.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: - **Quỹ tín dụng nhân dân phường L**

Địa chỉ: Tổ 5, khu Đ, P.L, Tp.Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

- Ông **Nguyễn Văn M** – Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: Tổ 5, khu Đ, P.L, Tp.Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

Bị đơn: - Ông **Nguyễn Quốc Đ** – Sinh năm 1957

ĐKHKTT: Tổ 7, khu 9, phường T, Tp.Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Anh **Nguyễn Quốc H**

ĐKHKTT: Tổ 7, khu 9, phường T, Tp.Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Quỹ tín dụng nhân dân phường L và ông Nguyễn Quốc Đ, anh Nguyễn Quốc H cùng thống nhất thoả thuận và xác định với nhau nh- sau: ông Nguyễn Quốc Đ còn nợ Quỹ tín dụng nhân dân phường L số tiền gốc là: 533.000.000đồng; nợ lãi phát sinh đến ngày 19/4/2019 là: 299.372.000đ. Tổng là 832.372.000đ(*Tám trăm ba mươi hai triệu ba*

trăm bảy mươi hai nghìn đồng). Ông Nguyễn Quốc Đ phải có nghĩa vụ trả nợ gốc cho Quỹ tín dụng nhân dân phường L vào thời gian như sau:

Ngày 26/4/2019: Trả nợ số tiền 50.000.000đồng;

Ngày 26/5/2019: Trả nợ số tiền 100.000.000đồng;

Ngày 26/6/2019: Trả nợ số tiền 383.000.000đồng;

Ngày 26/7/2019: Trả toàn bộ số tiền nợ lãi tính đến ngày 19/4/2019 là 299.372.000đồng + lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc còn lại.

Trường hợp ông Đ vi phạm một trong thời hạn trả nợ trên thì ông Đ và anh H đồng ý để Quỹ tín dụng nhân dân phường L phát mại toàn bộ tài sản đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số: 94.14 Ngày 21/3/2014 gồm: 01 Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 307, tờ bản đồ số 36 có tổng diện tích là 112m², theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB745993 do UBND thành phố Việt Trì cấp ngày 28/4/2005 đứng tên ông Nguyễn Quốc Đ và tài sản trên đất là: 01 nhà 03 tầng có diện tích sử dụng 328m² có địa chỉ tại: tổ 7, khu 9, phường T, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

Số tiền phát mại tài sản nếu dư nhiều hơn so với số tiền nợ gốc và lãi của Quỹ tín dụng phường L tại thời điểm phát mại thì Quỹ tín dụng có nghĩa vụ hoàn trả lại cho ông Đ và anh H số tiền dư đó, nếu số tiền phát mại tài sản thiếu so với số tiền nợ gốc và lãi của Quỹ tín dụng tại thời điểm phát mại thì ông Đ phải có nghĩa vụ trả nợ đủ số tiền nợ gốc và lãi cho Quỹ tín dụng tại thời điểm phát mại tài sản. Mọi chi phí thực hiện thủ tục phát mại tài sản, ông Đ và anh H tự nguyện chịu toàn bộ chi phí phát mại theo quy định (Chi phí phát mại tài sản được trừ từ tiền phát mại được tài sản).

Kể từ ngày 20/4/2019 ông Nguyễn Quốc Đ phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc là 533.000.000 đồng (Năm trăm ba mươi ba triệu đồng) chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Quỹ tín dụng nhân dân phường L thì lãi suất mà ông Đ phải tiếp tục thanh toán cho Quỹ tín dụng nhân dân phường L theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Quỹ tín dụng nhân dân phường L.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Quốc Đ phải chịu: 9.242.790đồng (*Chín triệu hai trăm bốn mươi hai nghìn bảy trăm chín mươi đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Quỹ tín dụng nhân dân phường L tự nguyện nhận chịu 9.242.790đồng (*Chín triệu hai trăm bốn mươi hai nghìn bảy trăm chín mươi đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận Quỹ tín dụng nhân dân phường L (người nộp là Nguyễn Văn M) đã nộp 18.000.000đồng (*Mười tám triệu đồng*) tiền tạm ứng án phí dân sự theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0003072 ngày 13/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Việt Trì.

Hoàn trả lại cho Quỹ tín dụng nhân dân phường L 8.757.210 đồng (*Tám triệu bảy trăm năm mươi bảy nghìn hai trăm mười đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND TP; Tỉnh;
- Chi cục THA DS TP;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Dương Thị Kim Dung

để Ngân hàng yêu cầu Cơ quan thi hành án phát mại và xử lý tài sản bảo đảm

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ngân hàng nông nghiệp và PTNT Việt Nam - chi nhánh Thanh Miếu Phú Thọ do ông Hoàng Minh Tuân là đại diện theo ủy quyền và anh Nguyễn Duy Cường, chị Phạm Thị Lợi cùng thống nhất và thỏa thuận với nhau như sau: Vợ chồng anh Nguyễn Duy Cường và chị Phạm Thị Lợi còn nợ số tiền gốc và lãi tính đến ngày 22/01/2018 là: 270.946.442 đồng (*Hai trăm bảy mươi triệu chín trăm bốn mươi sáu nghìn bốn trăm bốn mươi hai đồng*) (Trong đó: Tiền nợ gốc là: 250.000.000 đồng; Tiền lãi tính đến ngày 22/01/2018 là: 20.946.442 đồng). Anh Cường và chị Lợi đồng ý giao toàn bộ tài sản thế chấp trong Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 01/2016/HĐTC đã ký kết ngày 23/8/2016 giữa Ngân hàng nông nghiệp và PTNT Việt Nam - Chi nhánh Thanh Miếu Phú Thọ và anh Nguyễn Duy Cường, chị Phạm Thị Lợi là : Quyền sử dụng đất số CD 846071, tại thửa đất số 58, tờ bản đồ số 56, diện tích 100,7m² đất ở tại đô thị do UBND thành phố Việt Trì cấp ngày 27/7/2016 đứng tên anh Nguyễn Duy Cường. Địa chỉ tài sản: khu Hồng Hà 1, phường Bến Gót, Tp. Việt Trì, tỉnh Phú Thọ, để phát mại thu hồi nợ. Số tiền phát mại tài sản nếu dư nhiều hơn so với số tiền nợ gốc và lãi của Ngân hàng tại thời điểm phát mại thì Ngân hàng phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho anh Cường và chị Lợi số tiền dư đó, nếu số tiền phát mại tài sản thiếu so với số tiền nợ gốc và lãi của Ngân hàng tại thời điểm phát mại thì anh Cường và chị Lợi phải có nghĩa vụ trả nợ đủ số tiền nợ gốc và lãi còn thiếu cho Ngân hàng tại thời điểm phát mại tài sản. Mọi chi phí thực hiện thủ tục phát mại tài sản anh Cường và chị Lợi tự nguyện chịu toàn bộ chi phí phát mại theo quy định (Chi phí phát mại tài sản được trừ từ tiền phát mại tài sản).

Về án phí: Vợ chồng anh Nguyễn Duy Cường ,chị Phạm Thị Lợi tự nguyện nhận chịu 6.773.661^d (*Sáu triệu bảy trăm bảy mươi ba nghìn sáu trăm sáu mươi một đồng*)

tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (người nộp thay là Phùng Thị Tuyết Chinh) số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 6.500.000^d (*Sáu triệu năm trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: AA/2016/0003146 ngày 09/01/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Việt Trì.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND TP; Tỉnh;
- Chi cục THA DS TP;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Dương Thị Kim Dung

vợ chồng bà có ký Hợp đồng thế chấp bên thứ ba số 01/2011/HĐ ngày 24/02/2011; Hợp đồng thế chấp bên thứ ba số 03/2011/HĐ ngày 27/6/2011; Hợp đồng thế chấp bên thứ ba số 04/2011/HĐ ngày 15/7/2011 và Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Phú Thọ để cho Công ty TNHH dịch vụ thương mại Hậu Nga vay vốn sản xuất kinh doanh. Do kinh doanh gặp nhiều khó khăn nên Công ty TNHH dịch vụ thương mại Hậu Nga đã không trả được nợ dẫn đến vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Nay Ngân hàng khởi kiện, bà đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện để Công ty được trả nợ dần các khoản còn nợ và trong trường hợp Công ty không trả được nợ thì vợ chồng bà đồng ý xử lý tài sản thế chấp để trả nợ cho Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

+ **Anh Nguyễn Trí Cường trình bày:** Công ty TNHH dịch vụ thương mại Hậu Nga có nhu cầu vay vốn để phục vụ sản xuất kinh doanh, anh có ký Hợp đồng thế chấp bên thứ ba số 02/2010/HĐ ngày 25/8/2010 và Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Phú Thọ để cho Công ty TNHH dịch vụ thương mại Hậu Nga vay vốn sản xuất kinh doanh. Do kinh doanh gặp nhiều khó khăn nên Công ty TNHH dịch vụ thương mại Hậu Nga đã không trả được nợ dẫn đến vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Nay Ngân hàng khởi kiện, anh đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện để Công ty được trả nợ dần các khoản còn nợ và trong trường hợp Công ty không trả được nợ thì tôi sẽ có nghĩa vụ trả nợ tương ứng với tài sản thế chấp tại Ngân hàng.

+ **Anh Lê Ngọc Minh trình bày:** Công ty TNHH dịch vụ thương mại Hậu Nga có nhu cầu vay vốn để phục vụ sản xuất kinh doanh, anh có ký Hợp đồng thế chấp bên thứ ba số 01/2011/HĐ ngày 10/10/2011 và Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Phú Thọ để cho Công ty TNHH dịch vụ thương mại Hậu Nga vay vốn sản xuất kinh doanh.

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 38-DS:

- (1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).
- (2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 02/2017/QĐST-KDTM).
- (3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).
- (4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.
- (5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).